

THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VỀ CHÍNH TRỊ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS TRẦN THỊ HUYỀN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, trong đó Người đặc biệt chú trọng tới việc đấu tranh cho quyền bình đẳng nam nữ (bình đẳng giới-BĐG) trên mọi lĩnh vực. Bình đẳng về chính trị là một nội dung quan trọng của bình đẳng giới. Đạt được BĐG về chính trị sẽ thúc đẩy sự phát triển bền vững và tiến bộ lâu dài của xã hội. Đây là một mục tiêu mà các quốc gia đang hướng tới trong việc nỗ lực thực hiện BĐG một cách toàn vẹn và triệt để.

1. Hồ Chí Minh với bình đẳng nam nữ về chính trị

Theo Hồ Chí Minh, bình đẳng nam nữ trên lĩnh vực chính trị nghĩa là phụ nữ và nam giới có quyền tham gia một cách bình đẳng các hoạt động chính trị của đất nước như: bầu cử, ứng cử, lãnh đạo, quản lý chính quyền; có quyền tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do cư trú và bình đẳng trước pháp luật...

Trên cương vị là người đứng đầu đất nước, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ (3-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó có tổng tuyển cử, xây dựng Hiến pháp. Người đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, để tất cả trai và gái từ 18 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử và bầu cử. Ngày 6-1-1946, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, phụ nữ được cầm lá phiếu trực tiếp bầu ra những người có đức, có tài, đại diện cho mình trong chính quyền cách mạng. Không những thế, trong tổng số 333 đại biểu được bầu có 10 đại biểu phụ nữ, đây là một bước tiến lớn trong lịch sử. Thắng lợi

của Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về thể chế dân chủ của nước Việt Nam, khẳng định rõ quyền bình đẳng nam nữ về chính trị theo quan điểm của Hồ Chí Minh đã thành hiện thực.

Cùng với việc chuẩn bị tích cực cho cuộc Tổng tuyển cử, ngày 20-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34/SL lập Ban dự thảo Hiến pháp, do Người trực tiếp làm Trưởng ban và chỉ đạo đưa vấn đề bình đẳng nam nữ vào Hiến pháp. Dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời-Hiến pháp 1946, trong đó Điều 9 ghi rõ: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”. Cụ thể, về lĩnh vực chính trị, Điều 18 của Hiến pháp nêu: “Tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên không phân biệt gái, trai đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người mất công quyền. Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi, và phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ”¹.

Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, quyền của phụ nữ nói chung và quyền về chính trị nói riêng được pháp luật Nhà nước công nhận. Người phụ nữ có cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền tự do trong cuộc sống của mình, có quyền bình đẳng với nam giới trên mọi lĩnh vực, trong đó có chính trị.

Ngày 9-11-1946, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá I đã thông qua toàn văn bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa-Hiến pháp dân tộc, dân chủ và công bằng của các giai cấp, mang đậm dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân, về quyền bình đẳng nam nữ. Phát biểu tại phiên họp bế mạc kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá I, Hồ Chí Minh khẳng định: “Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân”². Nguyên tắc hiến định về quyền bình đẳng nam nữ trong lĩnh vực bầu cử, ứng cử tiếp tục được Hồ Chí Minh chỉ đạo trong Hiến pháp năm 1959 sửa đổi, Điều 23: “Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, không phân biệt dân tộc, nòi giống, nam nữ, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tình trạng tài sản, văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người bị Toà án hoặc pháp luật tước quyền bầu cử và ứng cử”³.

Theo Hồ Chí Minh, phụ nữ và nam giới không chỉ bình đẳng trong bầu cử, ứng cử mà còn bình đẳng trước pháp luật, tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình... Nguyên tắc này được Hồ Chí Minh chỉ đạo đưa vào Hiến pháp sửa đổi năm 1959 trở thành nguyên tắc hiến định đảm bảo quyền bình đẳng nam nữ.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của phụ nữ, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở các sở, ban, ngành, các cấp ủy chính quyền từ Trung ương đến địa phương phải chú ý chăm lo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ nữ, để chị em tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động của đời sống chính trị - xã hội; phụ nữ và nam giới bình đẳng trong việc tham gia các hoạt động chính trị, tham gia công tác Đảng, lãnh đạo, quản lý.

Hồ Chí Minh còn hướng tới thực hiện bình đẳng nam nữ trong trường học, cơ quan nhà nước và cả trong việc kết nạp đảng viên. Đến dự các hội nghị, các lớp học bồi dưỡng, lớp học chính trị, bao giờ Người cũng đề ý tới số lượng phụ nữ tham gia. Năm 1961, đến thăm trường Sư phạm miền núi Nghệ An, quan sát trong sổ học sinh không có ai là nữ, Hồ Chí Minh đặt câu hỏi: “Sao lại không có cháu gái?”⁴. Đến thăm Đảng bộ tỉnh Thái Bình, khi biết đảng viên nữ chỉ chiếm 17% tổng số đảng viên, Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Như thế là còn ít, còn hẹp hòi với phụ nữ”⁵. Đến thăm lớp Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện, ngày 18-1-1967, quan sát thấy ít học viên nữ, Hồ Chí Minh đã phê bình: “Cán bộ nữ ít như vậy là một thiếu sót. Các đồng chí phụ trách lớp học chưa quan tâm đến việc bồi dưỡng cán bộ nữ. Đây cũng là thiếu sót chung ở trong Đảng. Nhiều người còn đánh giá không đúng khả năng của phụ nữ, hay thành kiến, hẹp hòi. Như vậy là rất sai”⁶. Hồ Chí Minh đã đưa ra nhiều gương phụ nữ điển hình trong công tác quản lý, kể cả phụ nữ miền núi như: “Cô Nguyễn Thị Khương ở Hòa Bình là Anh hùng Lao động. Cô Nguyễn Thị Khoa cũng ở Hòa Bình là Ủy viên tỉnh. Cô Vi Thị Hóa ở Nghĩa Lộ là Ủy viên tỉnh. Cô Bùi Thị Na, dân tộc Mường ở Thanh Hóa và cô Hoàng Thị Viện, dân tộc Dao ở Bắc Kạn, là Chủ nhiệm hợp tác xã giỏi. Cô Hồ Thành Sùi, dân tộc Hán ở Quảng Ninh, là Chủ tịch Ủy ban hành chính xã kiêm Phó Bí thư chi bộ v.v.”⁷.

2. Thực hiện bình đẳng giới về chính trị trong thời kỳ đổi mới

Quan triết tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, nhiều nghị quyết, chỉ thị hướng tới mục tiêu BĐG trên lĩnh vực chính trị, tiêu biểu như: NQTU 3 khóa VII (6-1992), Chỉ thị 37-CT/TW (6-1994), NQTU 7 khóa VIII (8-1999) “Về công tác cán bộ nữ”, Nghị quyết số 11-NQ/TW (4-2007) “Về công tác cán bộ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”... Đặc biệt trong *Luật Bình đẳng giới*, Hiến pháp sửa đổi 2013, các quyết định của Chính phủ, như: Quyết định số 19/QĐ-TTg, năm 2002, về việc “Phê duyệt Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2010”; Quyết định số 2351/QĐ-TTg, năm 2010, về việc “Phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020”...

Việt Nam có khung pháp lý thúc đẩy BĐG tương đối vững chắc, trong đó có các quy định thúc đẩy BĐG về mặt chính trị. Điều 26 Hiến pháp 2013 nêu rõ, công dân nam nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Điều 11, *Luật Bình đẳng giới* quy định BĐG trong lĩnh vực chính trị. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2010-2020 coi việc nâng cao quyền năng chính trị cho phụ nữ là mục tiêu hàng đầu. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị. Mục tiêu 1 của chiến lược được cụ thể hóa thành 3 chỉ tiêu, trong đó chỉ tiêu 1 là: Phân đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy đảng nhiệm kỳ 2016-2020 từ 25% trở lên; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011-2015 từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016-2020 trên 35%.

Trước đó, Nghị quyết 11/NQ-TU của Bộ Chính trị, ngày 27-4-2007, nhấn mạnh: phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp đạt từ 35% đến 40%⁸.

Việt Nam đã ký nhiều công ước quốc tế như Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, Tuyên bố Thiên niên kỷ, v.v., cam kết ủng hộ phụ nữ tham chính và nỗ lực giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị. Gần đây nhất (9-2005), Việt Nam ký kết tham gia Chương trình nghị sự thế giới về phát triển bền vững, trong đó có Mục tiêu 5: Trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái trên toàn cầu, trong đó có chỉ tiêu đảm bảo phụ nữ có quyền tham gia đầy đủ, hiệu quả, bình đẳng các cơ hội lãnh đạo và ra quyết định.

Để thúc đẩy phụ nữ tham chính, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều giải pháp quan trọng như khuyến khích phụ nữ tham chính, có các chính sách hỗ trợ, đưa thêm phụ nữ vào danh sách ứng cử, động viên, khuyến khích, bồi dưỡng đưa phụ nữ vào Đảng, v.v.

Những thuận lợi trên đã đem lại kết quả đáng khích lệ. Trên thực tế, tỷ lệ phụ nữ tham chính ngày một tăng. Trong Ban Chấp hành Trung ương, nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, có 2 nữ ủy viên tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng, nữ ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng chiếm tỷ lệ 7,5%, dự khuyết chiếm tỷ lệ 14,29%; Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng chiếm 21,4%. Nhiệm kỳ Đại hội XI của Đảng, trong Ban Bí thư, có 2/10 thành viên là nữ; trong Bộ Chính trị, có 2/16 ủy viên là nữ (1 nữ ủy viên được Ban Chấp hành bầu năm 2011 và 1 nữ ủy viên được bầu bổ sung năm 2013). Nhiệm kỳ Đại hội XII, số lượng nữ ủy viên là 20 đồng chí (17 đồng chí nữ ủy viên chính thức và 3 đồng chí nữ ủy viên dự khuyết), chiếm tỷ lệ 10%. Lần đầu tiên có 3 đồng chí là

nữ trong tổng số 19 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị (chiếm tỷ lệ 15,78%).

Ở đảng bộ cấp cơ sở, tỷ lệ nữ tham gia ủy viên ban chấp hành có xu hướng tăng dần. Nếu ở nhiệm kỳ 2011-2015 tỷ lệ này là 11,40%; 14,00%; 18,1% thì tới nhiệm kỳ 2016-2020 tỷ lệ cấp ủy viên cấp tỉnh chiếm 13,3 (tăng 1,9%), cấp huyện chiếm 14,3% (tăng 0,3%), cấp xã chiếm 19,69% (tăng 1,59%)⁹.

Trong các cơ quan dân cử, đặc biệt là Quốc hội, Việt Nam là một trong số ít nước ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt 24,40%¹⁰. Số đại biểu nữ giữ các trọng trách trong các cơ quan của Quốc hội cũng tăng lên. Tuy nhiên, từ Quốc hội khóa XI tới Quốc hội khóa XIV, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội có giảm. Điều này phản ánh tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội thiếu sự bền vững.

Trong HĐND các cấp, tỷ lệ nữ 3 nhiệm kỳ gần đây đều tăng, trong đó nhiệm kỳ 2016-2020 đạt mức cao nhất¹¹. Điều này cho thấy, dấu hiệu tích cực của phụ nữ trong các cơ quan dân cử ở địa phương. Thực hiện quyền bầu cử và ứng cử đối với nữ giới đã được các cấp, các ngành triển khai sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân trên cơ sở thực hiện quy chế dân chủ, công khai trong hoạt động bầu cử. Điều này thể hiện rõ bước tiến BDG trong lĩnh vực chính trị.

Đội ngũ cán bộ, công chức nữ giữ vị trí quan trọng đã và đang đóng vai trò tích cực trong đời sống chính trị và xã hội. Điểm nổi trội của cán bộ nữ là không ngừng phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, biết lắng nghe, có khả năng thuyết phục, tiết kiệm, mềm dẻo, linh hoạt.

Tuy nhiên, vị thế của phụ nữ chưa tương xứng với vai trò và tiềm năng của họ. Tỷ lệ nữ giữ chức vụ quản lý, lãnh đạo các cấp, các ngành

hiện đạt thấp, đặc biệt là ở các vị trí lãnh đạo cấp trưởng. Việc triển khai công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ nữ còn chưa chủ động và chưa có chiến lược tạo nguồn lâu dài.

Trên thực tế, việc thực hiện bình đẳng nam nữ về chính trị vẫn còn gặp nhiều khó khăn bởi những định kiến về văn hóa-xã hội và vai trò giới truyền thống; bởi rào cản về thể chế (như sự khác biệt trong độ tuổi nghỉ hưu giữa nam giới và nữ giới, tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy đảng còn thấp v.v...); bởi khó khăn trong tiếp cận các chương trình giáo dục của trẻ em gái, đặc biệt là ở các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa. Đặc biệt, khó khăn còn đến từ chính bản thân phụ nữ, khi một bộ phận phụ nữ chưa thực sự chủ động vượt khó vươn lên, còn mang tâm lý tự ti, an phận, đồng thời vẫn còn tình trạng kèn cựa, níu kéo, không đồng tình, ủng hộ lẫn nhau trong chính giới nữ.

3. Bài học về thực hiện bình đẳng giới về chính trị

Một là, nâng cao nhận thức về giới và BDG trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về BDG góp phần xóa bỏ các định kiến, các quan niệm không phù hợp về vai trò của nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Lồng ghép vấn đề BDG vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường mở các lớp đào tạo, tập huấn về giới và BDG cho các đối tượng là lãnh đạo, quản lý các ban ngành, đoàn thể, những cán bộ trực tiếp tiến hành các hoạt động liên quan đến việc bảo đảm và thực hiện các quyền bình đẳng của phụ nữ, giúp họ có khả năng lồng ghép chính sách về giới vào các chương trình kinh tế-xã hội ở địa phương có hiệu quả hơn. Nâng cao chất lượng và hình thức trong việc giáo dục vai trò giới và kỹ năng sống trong hệ thống nhà trường phổ thông, giúp thanh,

thiếu niên nhận thức đúng những vấn đề giới và BDG một cách cơ bản, khoa học và hệ thống.

Hai là, đẩy mạnh các hoạt động BDG trong lĩnh vực chính trị. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật về BDG trong lĩnh vực chính trị. Rà soát các quy định của Đảng và Nhà nước về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, nghỉ hưu. Xác định những bất hợp lý và bất lợi đối với phụ nữ khi thực hiện những quy định này để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với *Luật Bình đẳng giới*. Ban hành và triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch về thực hiện BDG trong lĩnh vực chính trị, như thực hiện công tác quy hoạch dài hạn cán bộ quản lý, lãnh đạo nữ với các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện... Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ nữ

Ba là, thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá và khen thưởng kịp thời. Cần có những sơ kết và tổng kết thường niên và giai đoạn về tình hình thực hiện BDG trong lĩnh vực chính trị, từ đó rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, phát huy mặt tích cực không ngừng nâng cao hiệu quả thực hiện BDG về chính trị. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về BDG, trước hết là quy định về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm.

Bốn là, bản thân phụ nữ cần tự ý thức, nỗ lực vươn lên, vượt qua các rào cản, định kiến về vai trò giới. Đây là giải pháp có tính cơ bản, bởi tạo quyền bình đẳng cho phụ nữ so với nam giới phải là một quá trình gồm hai yếu tố: khách quan và chủ quan. Nếu Đảng, Nhà nước, xã hội tạo điều kiện mà bản thân phụ nữ không tự ý thức, nỗ lực vươn lên thì sự nghiệp BDG và tiến bộ của phụ nữ sẽ không đạt hiệu quả. Do vậy, đội ngũ cán bộ nói chung, bản thân nữ giới nói riêng phải ý thức được trách nhiệm và quyền hạn của mình, tự phấn đấu vươn lên, phải biết sắp xếp công việc gia đình một

cách khoa học, sử dụng thời gian hợp lý và có hiệu quả, giải quyết tốt mối quan hệ giữa công việc gia đình và công việc xã hội.

Bình đẳng nam nữ về chính trị là mục tiêu mà toàn Đảng, toàn dân và mỗi phụ nữ Việt Nam đều phải không ngừng nỗ lực cố gắng vươn tới trong hiện tại và tương lai. Đây cũng là việc thực hiện di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bình đẳng nam nữ.

1, 3. *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, 1946, 1959, 1980 và 1992, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 10-11, 38-39

2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.4, tr. 491

4. *Sđđ*, T. 13, tr. 269

5, 6. *Sđđ*, T. 15, tr. 262, 275

7. *Sđđ*, T. 14, tr. 262

8. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, ngày 27-4-2007

9. Xem Báo cáo số 08/BC-UBQG của Ủy ban Quốc gia, ngày 3-2-2016, vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về kết quả hoạt động năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016, tr. 11-12

10. Nhiệm kỳ 2011-2016

11. Tỷ lệ đại biểu HĐND các cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp quận, huyện, thị xã và cấp xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ 2004-2011: 23,9%, 23,01%, 19,5%; nhiệm kỳ 2011-2016: 25,17%, 24,62%, 21,17%; nhiệm kỳ 2016-2020: 26,56%, 27,5%, 26,59%. Nguồn: Số liệu thu thập từ các Báo cáo về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ từ năm 2009-2014 và Dự thảo Văn kiện Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XII, năm 2016.